

Hành động  
vì cuộc sống tốt đẹp hơn



## HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

Khách hàng: **BÙI THỊ PHƯƠNG**

Số Hợp Đồng: **74902103**

Ngày 12 tháng 12 năm 2020

Kính gửi Quý khách: **BÙI THỊ PHƯƠNG**

SỐ NHÀ 60/63 ĐƯỜNG VĂN CAO, P. NĂNG TỈNH,  
TP. NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH  
74902103 - 60443387 - X24 - B9G - YYE

Kính thưa Quý khách,

Prudential gửi tới Quý khách lời chào mừng nồng nhiệt nhất và chân thành cảm ơn Quý khách đã tín nhiệm và tham gia bảo hiểm với Prudential.

Chúng tôi xin thông báo Hồ sơ tham gia bảo hiểm nhân thọ của Quý khách đã hoàn tất thẩm định và được chấp thuận bảo hiểm. Chúng tôi xin gửi tới Quý khách toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đính kèm.

Để giúp chúng tôi phục vụ Quý khách một cách nhanh chóng và chính xác khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm, trong trường hợp Người thụ hưởng chưa được chỉ định trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm hoặc chưa hợp lệ, Quý khách vui lòng liên hệ Tư vấn viên hoặc bất cứ Trung tâm Phục vụ Khách hàng Prudential nào gần nhất để hoàn tất thủ tục yêu cầu điều chỉnh/bổ sung Người thụ hưởng Quyền lợi bảo hiểm. Chúng tôi sẽ tiến hành cập nhật và gửi Thư xác nhận đến Quý khách ngay sau khi nhận được thủ tục phù hợp.

Trong nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, Prudential trân trọng giới thiệu chương trình Chăm sóc khách hàng thân thiết PRUrewards. Chương trình chăm sóc khách hàng thân thiết áp dụng cho khách hàng có tổng phí đóng hàng năm từ 50 triệu đồng trở lên. Bất kỳ lúc nào, Quý khách cũng có thể bổ sung sản phẩm bảo trợ hay tham gia thêm hợp đồng mới với Prudential để sớm trở thành Hội viên PRUrewards, và tận hưởng nhiều ưu đãi/ quà tặng đa dạng từ các đối tác uy tín của Prudential.

Xin chân thành cảm ơn Quý khách đã chọn Prudential làm người bạn đồng hành. Sự hài lòng của Quý khách chính là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi.

Kính chúc Quý khách sức khỏe và thành công.

Trân trọng kính chào.



**Phương Tiến Minh**  
**Tổng Giám đốc**



## **DANH MỤC BỘ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM:**

- Giấy chứng nhận bảo hiểm
- Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nhân thọ
- Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm
- Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm
- Chứng từ giao dịch bảo hiểm khác

# GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM NHÂN THỌ



## PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

Hợp đồng bảo hiểm số: 74902103  
Ngày cấp giấy chứng nhận: 12/12/2020  
Ngày hiệu lực hợp đồng: 04/12/2020  
Ngày đáo hạn hợp đồng: 04/12/2058

Prudential hân hạnh cung cấp các giải pháp bảo vệ và hoạch định tài chính cho Quý khách và gia đình với những thông tin chi tiết sau:

| Họ và tên                                          | Giới tính | Ngày sinh  | Chứng nhận nhân thân | Mã số Khách hàng |
|----------------------------------------------------|-----------|------------|----------------------|------------------|
| <b>Bên mua bảo hiểm</b><br>BÙI THỊ PHƯƠNG          | Nữ        | 22/06/1985 | 036185012590         | 11762160         |
| <b>Người được bảo hiểm</b><br>(01) BÙI MINH THUYẾT | Nam       | 01/12/1959 | 036059001142         | 11762265         |
| (02) BÙI THỊ PHƯƠNG                                | Nữ        | 22/06/1985 | 036185012590         | 11762160         |

Người thụ hưởng được chỉ định hợp lệ trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm.

| Sản phẩm bảo hiểm                                               | Người được bảo hiểm | Số tiền bảo hiểm (VND) | Ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm | Ngày kết thúc thời hạn đóng phí (*) | Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ (VND) |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>Sản phẩm bảo hiểm chính</b><br><b>PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG</b> | 01                  | 300.000.000            | 03/12/2058                      | 03/12/2058                          | 19.059.000                        |
| <b>Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ</b><br><b>Nhóm 1</b>                |                     |                        |                                 |                                     |                                   |
| BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                           | 01                  | 600.000.000            | 03/12/2034                      | 03/12/2034                          | 780.000                           |
| BH Bệnh lý nghiêm trọng                                         | 01                  | 100.000.000            | 03/12/2034                      | 03/12/2034                          | 4.290.000                         |
| BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                           | 01                  |                        | 03/12/2034                      | 03/12/2034                          | 3.809.400                         |
| BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                           | 02                  | 600.000.000            | 03/12/2058                      | 03/12/2058                          | 456.000                           |
| BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                           | 02                  |                        | 03/12/2050                      | 03/12/2050                          | 461.500                           |
| BH Miễn đóng phí chết và TTTBVV                                 | 02                  |                        | 03/12/2050                      | 03/12/2050                          | 531.100                           |

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ☎ (028) 39 101 660 📠 (028) 39 100 899

📞 1800 1 247 ✉ customer.service@prudential.com.vn 🌐 www.prudential.com.vn

FFE9D5FACDA265C9

74902103\_Trang 1/2



| Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ<br>Nhóm 2                                                                       | Người<br>được<br>bảo<br>hiểm | Số tiền<br>bảo hiểm<br>(VND) | Ngày<br>kết thúc<br>thời hạn<br>bảo hiểm | Ngày<br>kết thúc<br>thời hạn<br>đóng phí | Phí<br>bảo hiểm<br>định kỳ<br>(VND) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE</b> -<br>Chương trình Chăm sóc Cơ bản<br>(**)<br>- Quyền lợi Điều trị Nội trú | 01                           |                              | 03/12/2029                               | 03/12/2029                               | 4.387.000                           |

**Định kỳ đóng phí bảo hiểm:** Năm  
**Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ:** 33.774.000 VND

#### Ghi chú:

(\*) Tham khảo quyền thay đổi/tạm ngưng đóng phí bảo hiểm trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm và Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.

(\*\*) Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ **PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE** sẽ được tự động gia hạn hàng năm cho đến khi Người được bảo hiểm tròn 70 tuổi hoặc khi thời hạn đóng phí của Sản phẩm bảo hiểm chính chấm dứt, áp dụng thời điểm nào đến trước. Phí bảo hiểm trên chỉ áp dụng cho năm đầu tiên của hợp đồng; phí đóng các năm tiếp theo sẽ thay đổi phụ thuộc vào tuổi của Người được bảo hiểm, đã được thể hiện trong Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm.

Quý khách vui lòng kiểm tra thông tin trên Giấy chứng nhận bảo hiểm này và các thông tin đã kê khai trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm. Nếu có nội dung nào chưa chính xác, vui lòng liên lạc với Prudential qua số điện thoại **1800 1 247** (miễn cước) để được hỗ trợ.

Quý khách cần tham khảo các quyền lợi bảo hiểm, các điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm và Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được bộ hợp đồng bảo hiểm. Trong khoảng thời gian 21 ngày này, Quý khách có thể cân nhắc tiếp tục hợp đồng bảo hiểm hoặc yêu cầu hủy bỏ và thay đổi sản phẩm phù hợp hơn với nhu cầu.

Chân thành cảm ơn Quý khách đã lựa chọn Prudential là người bạn đồng hành trong việc hoạch định và bảo vệ tài chính cho Quý khách và gia đình.



**Phương Tiến Minh**  
**Tổng Giám đốc**

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ Prudential Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ☎ (028) 39 101 660 📠 (028) 39 100 899

📞 1800 1 247 ✉ customer.service@prudential.com.vn 🌐 www.prudential.com.vn

FFE9D5FACDA265C9

74902103\_Trang 2/2

| A. THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN                            |                           |                                           |
|-----------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------|
| Họ và tên Tư vấn viên:<br><b>PHẠM THỊ THANH TÂM</b> | Mã số:<br><b>60443387</b> | Điện thoại liên lạc:<br><b>0834446096</b> |

*LƯU Ý: Việc kê khai đầy đủ và trung thực các thông tin dưới đây sẽ quyết định tính hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm và việc chi trả các quyền lợi bảo hiểm sau này của Quý khách.*

| B. THÔNG TIN BÊN MUA BẢO HIỂM (BMBH)<br>(BMBH đồng thời là NĐBH bổ sung)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                           |                                          |                                                    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1. Họ và tên:<br><b>BÙI THỊ PHƯƠNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                           | 2. Giới tính:<br><b>Nữ</b>               | 3. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu:<br><b>036185012590</b> |
| 4. Ngày sinh:<br><b>22/06/1985</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5. Tình trạng hôn nhân:<br><b>Kết hôn</b> | 6. Quốc gia nơi sinh:<br><b>Việt Nam</b> | 7. Quốc tịch: <b>Việt Nam</b>                      |
| 8. Thông tin liên lạc<br>Địa chỉ thường trú: <b>số nhà 60/63 đường Văn Cao, P. Năng Tĩnh, TP. Nam Định, Nam Định, Việt Nam</b><br>Di động: <b>0946113991</b><br>Điện thoại cố định: <b>0985679266</b><br><input checked="" type="checkbox"/> Đồng ý nhận thông tin về sản phẩm mới, truyền thông, khuyến mãi từ Prudential.<br><input checked="" type="checkbox"/> Đồng ý liên lạc qua ứng dụng Zalo. |                                           |                                          |                                                    |
| 9. Nghề nghiệp: <b>Chủ doanh nghiệp, ban giám đốc</b><br>Tên cơ quan: <b>Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Hoàng Minh</b><br>Địa chỉ: <b>số 60/63 đường Văn Cao, P. Năng Tĩnh, TP Nam định, Tỉnh Nam định</b><br>Hiện tại Quý khách có khai báo thuế tại Hoa kỳ không? <b>Không</b><br>Thu nhập của BMBH: <b>100 triệu VNĐ/tháng</b><br>Thu nhập của cả gia đình: <b>130 triệu VNĐ/tháng</b>           |                                           |                                          |                                                    |

| Thông tin sức khỏe NĐBH: BÙI THỊ PHƯƠNG                                                                                                     |                   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| Câu hỏi                                                                                                                                     | Trả lời           |
| <b>Thông tin chung</b>                                                                                                                      |                   |
| 1. NĐBH có hút thuốc trong vòng 12 tháng gần đây không?                                                                                     | <b>Không</b>      |
| 2. Lần cuối cùng NĐBH uống rượu/bia khoảng 4 đơn vị cồn trở lên từ khi nào?<br>(1 đơn vị cồn = 1 lon bia 330 ml = 1 chén rượu (≈40°, 30ml)) | <b>Không uống</b> |



|    |                                                                                                                                                                                        |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 3. | NĐBH đã từng hoặc đang sử dụng cần sa, ma túy, thuốc phiện, cocain, heroin, morphin, thuốc lắc, hoặc các chất gây nghiện khác mà không có chỉ định của bác sĩ không?                   | <b>Không</b> |
| 4. | NĐBH có tham gia hoặc dự định tham gia bất kỳ môn thể thao nguy hiểm nào sau đây không: nhảy dù, lặn, lướt ván, đua thuyền, leo núi hoặc môn thể thao nguy hiểm khác?                  | <b>Không</b> |
| 5. | NĐBH có cha/mẹ/anh/chị/em ruột được chẩn đoán các bệnh sau trước năm 60 tuổi không? Ung thư, tiểu đường, bệnh tim mạch, bệnh thận đa nang, đa polyp, Alzheimer, Parkinson, xơ cứng bì? | <b>Không</b> |
| 6. | NĐBH có tham gia bảo hiểm tại bất kỳ công ty bảo hiểm nào không?                                                                                                                       | <b>Không</b> |

**Sức khỏe**

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1. | Chiều cao (cm)                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>156</b>   |
| 2. | Cân nặng (kg)                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>50</b>    |
| 3. | NĐBH đã từng được chẩn đoán: Ung thư, dị sản (ung thư tại chỗ), suy thận, đái tháo đường, HIV/AIDS, đột quỵ, cơn thiếu máu não thoáng qua hoặc bất kỳ bệnh nào liên quan đến tim?                                                                                                | <b>Không</b> |
| 4. | Trong vòng 5 năm vừa qua, NĐBH có từng được chẩn đoán hoặc đang theo dõi: Tăng huyết áp, Tăng mỡ máu, Bệnh tuyến giáp, Viêm gan, Bệnh tuyến vú, U nang buồng trứng, U xơ tử cung?                                                                                                | <b>Không</b> |
| 5. | Ngoài các bệnh kể trên, NĐBH có bất kỳ thương tật hoặc bệnh/thương tật bẩm sinh nào không? Ví dụ: bệnh xơ nang, mù, điếc, bại não, bất thường tâm thần, bệnh Down?                                                                                                               | <b>Không</b> |
| 6. | Ngoài các bệnh kể trên, NĐBH có bất kỳ dấu hiệu, triệu chứng bất thường nào bao gồm sụt cân không rõ nguyên nhân mà chưa đi khám không?                                                                                                                                          | <b>Không</b> |
| 7. | Ngoài các bệnh kể trên, NĐBH có đang chờ kết quả hoặc được tư vấn thực hiện bất kỳ xét nghiệm nào không? (không bao gồm các chỉ định xét nghiệm từ Prudential).                                                                                                                  | <b>Không</b> |
| 8. | Ngoài các bệnh kể trên, trong vòng 5 năm vừa qua, NĐBH có bất kỳ vấn đề sức khỏe nào dẫn đến: - Nghỉ làm hoặc nghỉ học hơn 1 tuần; hoặc - Uống thuốc liên tục kéo dài trên 2 tuần; hoặc - Nằm viện hoặc tiểu phẫu/phẫu thuật trong ngày; hoặc - Có chỉ định theo dõi của bác sĩ? | <b>Không</b> |
| 9. | NĐBH có đang mang thai không?                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Không</b> |

**C. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NĐBH) CHÍNH**

|                                         |                             |                                                        |
|-----------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1. Họ và tên:<br><b>BÙI MINH THUYẾT</b> | 2. Giới tính:<br><b>Nam</b> | 3. SỐ CMND/ CCCD/ HC/ KS/ ĐDCN:<br><b>036059001142</b> |
|-----------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------|



|                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------|
| 4. Ngày sinh:<br><b>01/12/1959</b>                                                                                                 | 5. Quan hệ với<br>BMBH:<br><b>Cha/mẹ ruột<br/>BMBH</b>                                                                                                                                                   | 6. Tình trạng hôn<br>nhân:<br><b>Kết hôn</b> | 7. Quốc gia nơi<br>sinh:<br><b>Việt Nam</b> | 8. Quốc tịch: <b>Việt<br/>Nam</b> |
| 9. Thông tin liên lạc<br>Địa chỉ thường trú: <b>số nhà 60/63 đường Văn Cao, P. Năng Tĩnh, TP. Nam Định, Nam Định, Việt<br/>Nam</b> |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
| 10. Nghề nghiệp: <b>Hưu trí</b>                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
| <b>Thông tin sức khỏe NĐBH: BÙI MINH THUYẾT</b>                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
| <b>Câu hỏi</b>                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             | <b>Trả lời</b>                    |
| <b>Thông tin chung</b>                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
| 1.                                                                                                                                 | NĐBH có hút thuốc trong vòng 12 tháng gần đây không?                                                                                                                                                     |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 2.                                                                                                                                 | Lần cuối cùng NĐBH uống rượu/bia khoảng 5 đơn vị cồn trở lên từ khi nào?<br>(1 đơn vị cồn = 1 lon bia 330 ml = 1 chén rượu (=40°, 30ml))                                                                 |                                              |                                             | <b>Không uống</b>                 |
| 3.                                                                                                                                 | NĐBH đã từng hoặc đang sử dụng cần sa, ma túy, thuốc phiện, cocain, heroin, morphin, thuốc lắc, hoặc các chất gây nghiện khác mà không có chỉ định của bác sỹ không?                                     |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 4.                                                                                                                                 | NĐBH có tham gia hoặc dự định tham gia bất kỳ môn thể thao nguy hiểm nào sau đây không: nhảy dù, lặn, lướt ván, đua thuyền, leo núi hoặc môn thể thao nguy hiểm khác?                                    |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 5.                                                                                                                                 | Trong vòng 12 tháng tới, NĐBH có dự định đi và ở nước ngoài từ 2 tháng trở lên không?                                                                                                                    |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 6.                                                                                                                                 | NĐBH có cha/mẹ/anh/chị/em ruột được chẩn đoán các bệnh sau trước năm 60 tuổi không? Ung thư, tiểu đường, bệnh tim mạch, bệnh thận đa nang, đa polyp, Alzheimer, Parkinson, xơ cứng bì?                   |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 7.                                                                                                                                 | NĐBH có tham gia bảo hiểm tại bất kỳ công ty bảo hiểm nào không?                                                                                                                                         |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| <b>Sức khỏe</b>                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                          |                                              |                                             |                                   |
| 1.                                                                                                                                 | Chiều cao (cm)                                                                                                                                                                                           |                                              |                                             | <b>162</b>                        |
| 2.                                                                                                                                 | Cân nặng (kg)                                                                                                                                                                                            |                                              |                                             | <b>58</b>                         |
| 3.                                                                                                                                 | NĐBH đã từng được chẩn đoán: Ung thư, dị sản (ung thư tại chỗ), suy thận, đái tháo đường, HIV/AIDS, đột quỵ, cơn thiếu máu não thoáng qua hoặc bất kỳ bệnh nào liên quan đến tim?                        |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |
| 4.                                                                                                                                 | Trong vòng 5 năm vừa qua, NĐBH có từng được chẩn đoán hoặc đang theo dõi: Hen (suyễn), Tăng huyết áp, Tăng mỡ máu, Bệnh tuyến giáp, Viêm gan, Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD), Bệnh tiểu liệt tuyến? |                                              |                                             | <b>Không</b>                      |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 5. | Trong vòng 5 năm vừa qua, NDBH có mắc bất kỳ bệnh nào sau đây không: Dengue (sốt xuất huyết), Thương hàn, Viêm ruột do amip, Sốt rét?                                                                                                                                            | <b>Không</b> |
| 6. | Ngoài các bệnh kể trên, NDBH có bất kỳ thương tật hoặc bệnh/thương tật bẩm sinh nào không? Ví dụ: bệnh xơ nang, mù, điếc, bại não, bất thường tâm thần, bệnh Down?                                                                                                               | <b>Không</b> |
| 7. | Ngoài các bệnh kể trên, NDBH có bất kỳ dấu hiệu, triệu chứng bất thường nào bao gồm sụt cân không rõ nguyên nhân mà chưa đi khám không?                                                                                                                                          | <b>Không</b> |
| 8. | Ngoài các bệnh kể trên, NDBH có đang chờ kết quả hoặc được tư vấn thực hiện bất kỳ xét nghiệm nào không? (không bao gồm các chỉ định xét nghiệm từ Prudential).                                                                                                                  | <b>Không</b> |
| 9. | Ngoài các bệnh kể trên, trong vòng 5 năm vừa qua, NDBH có bất kỳ vấn đề sức khỏe nào dẫn đến: - Nghỉ làm hoặc nghỉ học hơn 1 tuần; hoặc - Uống thuốc liên tục kéo dài trên 2 tuần; hoặc - Nằm viện hoặc tiểu phẫu/phẫu thuật trong ngày; hoặc - Có chỉ định theo dõi của bác sĩ? | <b>Không</b> |

**D. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

(Được quy định chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm)

| STT                                 | Sản phẩm bảo hiểm                                              | Số tiền bảo hiểm (VNĐ) | Thời hạn bảo hiểm (năm) | Phi bảo hiểm quy năm (VNĐ) |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------------|
| NDBH chính: <b>BÙI MINH THUYẾT</b>  |                                                                |                        |                         |                            |
| 1                                   | PRU-Chủ Động Cuộc Sống                                         | 300,000,000            | 38                      | 19,059,000                 |
| 2                                   | PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE                                        | 0                      | 9                       | 4,387,000                  |
| 3                                   | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                          | 0                      | 14                      | 3,809,400                  |
| 4                                   | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                          | 600,000,000            | 14                      | 780,000                    |
| 5                                   | BH Bệnh lý nghiêm trọng                                        | 100,000,000            | 14                      | 4,290,000                  |
| NDBH bổ sung: <b>BÙI THỊ PHƯƠNG</b> |                                                                |                        |                         |                            |
| 1                                   | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                          | 0                      | 30                      | 461,500                    |
| 2                                   | BH Miễn đóng phí bảo hiểm chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn | 0                      | 30                      | 531,100                    |
| 3                                   | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                          | 600,000,000            | 38                      | 456,000                    |

**E. THÔNG TIN ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM**Hình thức thanh toán: **Khác**Định kỳ đóng phí: **Năm**Tổng phí bảo hiểm trả theo kỳ: **33,774,000 VNĐ**

**F. LƯU Ý VỀ THAY THÉ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

Nếu Quý khách dự định hủy hợp đồng bảo hiểm (HDBH) sẵn có để mua HDBH mới, vui lòng lưu ý một số ghi chú quan trọng sau:

- Do HDBH thường là một cam kết mang tính dài hạn, nên việc tham gia lại từ đầu có thể sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch bảo hiểm, hoặc tích lũy của Quý khách.
- Thời hạn miễn truy xét hoặc thời gian loại trừ (nếu có) sẽ được tính lại từ đầu theo hồ sơ yêu cầu bảo hiểm (HSYCBH) mới.
- HSYCBH mới có thể bị tăng phí hay từ chối, một phần hoặc toàn bộ, do những thay đổi về nghề nghiệp, sức khỏe, lối sống...
- Có thể có những quyền lợi ở HDBH cũ mà HDBH mới không đáp ứng được.

**G. CHI TIẾT NGƯỜI THỤ HƯỞNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**

| STT | Họ và tên           | Giới tính | Quan hệ với NDBH | Số CMND/ CCCD/ HC/ KS/ ĐDCN (**) | Ngày, Tháng, Năm sinh | Quốc tịch | Địa chỉ                                                                    | % Thụ hưởng |
|-----|---------------------|-----------|------------------|----------------------------------|-----------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1   | <b>LÊ THỊ PHƯỚC</b> | Nữ        | Vợ               | 036163001132                     | 12/08/1963            | Việt Nam  | số nhà 60/63 đường Văn Cao, P. Năng Tĩnh, TP. Nam Định, Nam Định, Việt Nam | <b>100%</b> |

(\*\*) Số CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu/ Khai sinh/ Định danh cá nhân

**H. CAM KẾT CỦA BMBH/NDBH**

- BMBH đồng ý nhận bản giấy Tóm tắt HDBH và bộ HDBH điện tử đầy đủ bao gồm Giấy chứng nhận bảo hiểm, Điều khoản hợp đồng và Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm đã được Bộ Tài Chính phê duyệt sẽ được Prudential lưu trữ trong tài khoản của BMBH tại Cổng thông tin khách hàng trực tuyến – PRUOnline và/hoặc các ứng dụng khác (nếu có).  
Trường hợp cần tham khảo thêm bộ HDBH giấy, BMBH sẽ yêu cầu Prudential cung cấp sau.
- Ngày nhận được bộ HDBH là ngày BMBH xác nhận đã nhận đầy đủ bộ HDBH trong tài khoản PRUOnline của BMBH và/hoặc các ứng dụng khác (nếu có), hoặc ngày ký nhận bản Tóm tắt HDBH (đối với BMBH là cá nhân) hoặc ngày ký nhận bộ HDBH giấy (đối với BMBH là Tổ chức), tùy thuộc ngày nào xảy ra trước.
- BMBH đồng ý cho Prudential cung cấp các thông tin và gửi thông báo liên quan đến HDBH qua thư tin và/hoặc email và/hoặc số điện thoại và/hoặc ứng dụng Zalo đã kê khai tại HSYCBH này. Thông tin đầy đủ về HDBH và thư từ được lưu trữ trong tài khoản PRUOnline của BMBH. BMBH hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đảm bảo việc bảo mật tài khoản và mật khẩu mà Prudential đã cung cấp.
- Chúng tôi (gồm BMBH và tất cả NDBH) hiểu và đồng ý rằng việc thẩm định sức khỏe không phải là nghĩa vụ bắt buộc của Prudential và Prudential không thể đưa ra toàn bộ kết luận về tình trạng sức khỏe của chúng tôi. Việc thẩm định sức khỏe này không làm giảm trừ, miễn trừ, thay thế cho bất kỳ nghĩa vụ kê khai thông tin chính xác, đầy đủ và trung thực tại HSYCBH.



5. Chúng tôi chấp thuận/ủy quyền cho Prudential thu thập những thông tin về sức khỏe, nghề nghiệp của BMBH và tất cả NDBH tại bất kỳ cơ quan, tổ chức và/hoặc cá nhân nào mà không cần phải được chúng tôi cho phép bằng một văn bản khác. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân này, khi nhận được bản sao HSYCBH, được phép cung cấp cho Prudential những thông tin trên.
6. Chúng tôi xác nhận rằng, trong trường hợp có sự khác biệt và/hoặc nhầm lẫn giữa thông tin về Họ và tên, số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu/Khai sinh/Định danh cá nhân, ngày tháng năm sinh và giới tính của BMBH, NDBH. Người thụ hưởng đã được chúng tôi kê khai trên HSYCBH này so với giấy tờ tùy thân đã cung cấp cho Prudential, thì các thông tin tại giấy tờ tùy thân là đúng. Chúng tôi đồng ý việc Prudential có quyền, có quyền nhưng không có nghĩa vụ, chỉnh sửa và/hoặc cập nhật lại các thông tin đã kê khai tại HSYCBH dựa trên thông tin đúng từ (các) giấy tờ tùy thân đã cung cấp.
7. Chúng tôi đồng ý cập nhật kịp thời cho Prudential bất kỳ thay đổi nào về các thông tin cá nhân đã cung cấp cho Prudential, bao gồm cả các thông tin liên lạc. Prudential có quyền sử dụng các thông tin đã được kê khai (bao gồm các thông tin cập nhật sau đó) như là thông tin định danh và xác thực (các) giao dịch phát sinh từ HĐBH được chúng tôi thực hiện thông qua các kênh dịch vụ khách hàng, các ứng dụng Prudential cung cấp tùy từng thời điểm.  
Chúng tôi cũng đồng ý sẽ cung cấp cho Prudential bất kỳ thông tin nào tại từng thời điểm khi Prudential có yêu cầu, ví dụ như tờ khai thuế, các chứng từ chứng minh thu nhập và/hoặc các giấy tờ để phục vụ cho công tác phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.  
Chúng tôi đồng ý cho phép Prudential cung cấp cho cơ quan thuế Hoa Kỳ (i) thông tin cá nhân của chúng tôi như đã cung cấp trong HĐBH hoặc được cung cấp sau đó cho Prudential, bao gồm cả thông tin về khai thuế và (ii) thông tin về HĐBH, bao gồm số HĐBH, giá trị tài khoản hoặc thông tin về hợp đồng và/hoặc giá trị tiền mặt của HĐBH, nếu có, tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của HĐBH này, khi chúng tôi là người chịu thuế hoặc trở thành người chịu thuế tại Hoa Kỳ như được định nghĩa theo luật thuế Hoa Kỳ.  
Đồng thời, chúng tôi cũng đồng ý rằng, Prudential được sử dụng và/hoặc cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được kê khai tại và/hoặc phát sinh từ HSYCBH nhằm (i) thực hiện yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc (ii) nghiên cứu, chăm sóc khách hàng, hậu mãi; hoặc (iii) phát hành, thực hiện HĐBH; hoặc (iv) tái bảo hiểm; hoặc (v) phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Các trường hợp chuyển giao thông tin khác phải được BMBH/NDBH đồng ý bằng văn bản.
8. Chúng tôi xác nhận rằng trong quá trình được tư vấn, trả lời câu hỏi và hoàn tất HSYCBH được thực hiện tại Việt Nam và trong thời gian cư trú tại Việt Nam:
  - Chúng tôi đã và chỉ cung cấp cho Tư vấn viên của Prudential những thông tin như đã nêu trong HSYCBH.
  - Việc lập HSYCBH được chúng tôi thực hiện một cách độc lập và Tư vấn viên của Prudential không cung cấp bất cứ thông tin nào gây bất lợi cho Prudential hoặc tạo thuận lợi hơn cho chúng tôi khi Prudential thẩm định HSYCBH.
9. Chúng tôi xác nhận đã đọc và được nghe Tư vấn viên của Prudential giải thích toàn bộ những câu hỏi, lời khai tại HSYCBH, quyền lợi bảo hiểm, bảo hiểm tạm thời và xác nhận rằng những thông tin này là đầy đủ, chính xác và sản phẩm được chọn mua là phù hợp với nhu cầu bảo hiểm. Mọi thông tin được trao đổi bằng lời nói trái với các nội dung của HSYCBH và HĐBH sẽ không phát sinh hiệu lực. NDBH theo đây xác nhận đã đồng ý cho BMBH đứng tên mua bảo hiểm cho mình.



**Xác nhận của BMBH  
đồng thời là NDBH bổ  
sung**

(Mã xác thực OTP)

**750561**

04/12/2020 12:09:30

Họ và tên: **BÙI THỊ PHƯƠNG**

**Xác nhận của NDBH  
chính**

(Chữ ký điện tử)

04/12/2020 12:18:03

Họ và tên:

Bùi Minh Trí

## I. CAM KẾT CỦA TƯ VẤN VIÊN

Tôi cam kết rằng những thông tin trong HSYCBH này là những thông tin duy nhất mà BMBH/NDBH cung cấp cho tôi và tôi cũng đã không hề che giấu hoặc hướng dẫn cho Khách hàng tạo dựng nên bất cứ thông tin nào có thể gây ảnh hưởng đến quyết định chấp nhận bảo hiểm của Công ty đối với Khách hàng.

Tôi cũng cam kết đã gặp trực tiếp BMBH/NDBH để: đối chiếu bản sao các giấy tờ nhân thân/giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân đã nộp với bản chính, giải thích rõ ràng các câu hỏi về nghề nghiệp, tài chính và sức khỏe trong HSYCBH này, đồng thời đã tư vấn cho BMBH/NDBH đúng theo quy định trong điều khoản hợp đồng bảo hiểm của Công ty và đã không đưa ra bất cứ ý kiến nào gây ảnh hưởng đến việc hoàn tất HSYCBH của Khách hàng.

**TÔI XIN XÁC NHẬN NHỮNG MÃ XÁC THỰC OTP/CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ TRÊN ĐƯỢC THỰC HIỆN TRƯỚC SỰ CHỨNG KIẾN CỦA TÔI.**

**Xác nhận của Tư vấn viên**

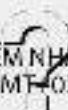
**60443387**

Họ và tên: **PHẠM THỊ THANH TÂM**

Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ PRUDENTIAL VIỆT NAM

Ngày ký: 04/12/2020 12:19:09 GMT+07:00



BẢNG PHÂN TÍCH NHU CẦU TÀI CHÍNH

A-Thông tin chung

|                          |                                                                            |                                                           |                 |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------------|
| 1. Thông tin cá nhân     |                                                                            | 2. Khả năng tài chính                                     |                 |
| Họ tên Bên mua bảo hiểm: | BÙI THỊ PHƯƠNG                                                             | Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo tháng:                     | 100 triệu VNĐ   |
| Ngày sinh:               | 22/06/1985                                                                 | Thu nhập Bên mua bảo hiểm theo năm:                       | 1.200 triệu VNĐ |
| Giới tính:               | <input type="radio"/> Nam <input checked="" type="radio"/> Nữ              | Thu nhập cả gia đình theo tháng:                          | 130 triệu VNĐ   |
| Tình trạng hôn nhân:     | <input type="radio"/> Độc thân <input checked="" type="radio"/> Đã kết hôn | Thu nhập cả gia đình theo năm:                            | 1.560 triệu VNĐ |
| Nghề nghiệp:             | Chủ doanh nghiệp, ban giám đốc                                             | Số tiền dành cho BHNT trên thu nhập cả gia đình theo năm: | 150 triệu VNĐ   |
|                          |                                                                            | Thời gian dự định đóng phí BHNT:                          | 20.0 năm        |

B-Nhu cầu của quý khách và kế hoạch tài chính

| Nhu cầu trọng tâm            |                                                           | Nhu cầu Quý khách quan tâm          | Số tiền cần thiết ước tính (A) VNĐ | Khoản tiết kiệm/ Đầu tư/ hợp đồng bảo hiểm hiện có cho nhu cầu này (B) VNĐ | Khoản chênh lệch tối thiểu cần bảo hiểm (C=A-B) VNĐ |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| Bảo vệ tài chính             | Rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn              | <input checked="" type="checkbox"/> | 1.000.000.000                      | 0                                                                          | 1.000.000.000                                       |
|                              | Rủi ro tai nạn                                            | <input type="checkbox"/>            |                                    |                                                                            |                                                     |
|                              | Rủi ro bệnh hiểm nghèo                                    | <input checked="" type="checkbox"/> | 300.000.000                        | 0                                                                          | 300.000.000                                         |
| Tiết kiệm/Tích lũy tài chính | Kế hoạch học vấn của con                                  | <input type="checkbox"/>            |                                    |                                                                            |                                                     |
|                              | Kế hoạch cho tuổi hưu an nhàn                             | <input type="checkbox"/>            |                                    |                                                                            |                                                     |
|                              | Kế hoạch tích lũy tài chính cho nhu cầu chi tiêu ngắn hạn | <input type="checkbox"/>            |                                    |                                                                            |                                                     |
| Đầu tư                       | Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo                       | <input checked="" type="checkbox"/> | 700.000.000                        | 0                                                                          | 700.000.000                                         |
|                              | Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo       | <input type="checkbox"/>            |                                    |                                                                            |                                                     |

## BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

|                                                       |                                     |            |   |            |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|---|------------|
| Nhu cầu gia tăng thêm bảo vệ cho bản thân và gia đình |                                     |            |   |            |
| Chăm sóc sức khỏe                                     | <input checked="" type="checkbox"/> | 50.000.000 | 0 | 50.000.000 |
| Bệnh hiểm nghèo                                       | <input checked="" type="checkbox"/> | 50.000.000 | 0 | 50.000.000 |
| Tử vong, tai nạn, thương tật                          | <input checked="" type="checkbox"/> | 50.000.000 | 0 | 50.000.000 |

### C-Gợi ý sản phẩm

|                             |                                            |
|-----------------------------|--------------------------------------------|
| Tên sản phẩm chính          | Lý do đề xuất                              |
| VLR6-PRU-Chủ Đông Cuộc Sống | Khách hàng có nhu cầu: bảo vệ và tiết kiệm |

### D-Xác nhân của khách hàng

☒ Tôi xác nhận:

- Tư vấn viên đã thực hiện phân tích nhu cầu tài chính cho tôi.
- Tôi đã đọc và hoàn toàn hiểu rõ toàn bộ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này.
- Tôi xác nhận những thông tin được cung cấp trên đây là chính xác, đầy đủ và tôi hiểu rằng việc cung cấp các thông tin không chính xác và đầy đủ sẽ ảnh hưởng đến kết quả của việc phân tích nhu cầu tài chính.
- Tôi quyết định lựa chọn sản phẩm phù hợp với nhu cầu tài chính của tôi theo như gợi ý của Tư vấn viên. Các thông tin tài chính được cung cấp tại tài liệu này sẽ là cơ sở để tôi chọn lựa gói sản phẩm và số tiền bảo hiểm như được thể hiện chi tiết tại Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm liên quan.

|                                                                                                                               |                                                                                                                                                             |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Khách hàng ký tên</p><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><p>750561</p> <p>Chữ ký:</p> <p>Họ và tên: BÙI THỊ PHƯƠNG</p> | <p>Tư vấn viên ký tên</p><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><p>60443387</p> <p>Chữ ký:</p> <p>Họ và tên: PHẠM THỊ THANH TÂM</p> <p>Mã số: 60443387</p> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

\*Lưu ý: Bảng phân tích này chỉ nhằm mục đích tìm hiểu nhu cầu và khả năng tài chính của Khách hàng khi tham gia bảo hiểm nhân thọ thông qua các sản phẩm bảo hiểm của Prudential Việt Nam. Số tiền được thể hiện qua phân tích này chỉ mang tính tương đối, không phản ánh chính xác số tiền thực tế cần phải có trong tương lai. Quý khách nên thường xuyên xem lại phân tích này với chuyên viên Tư vấn tài chính của Prudential Việt Nam, đặc biệt là khi có sự thay đổi về nhu cầu hoặc điều kiện kinh tế khác.

**PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

| <u>THÔNG TIN DOANH NGHIỆP</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <u>THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN</u>                                                        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty TNHH BHNT Prudential Việt Nam; Giấy phép: 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp;<br>Vốn điều lệ: 4.949,7 tỷ đồng;<br>Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TPHCM;<br>Điện thoại: (028) 39100999; Hotline: 1800 1 247; Fax: (028) 39100899;<br>Website: <a href="http://www.prudential.com.vn">http://www.prudential.com.vn</a> | Họ và tên: PHẠM THỊ THANH TÂM<br>Mã số: 60443387<br>Điện thoại:<br>Địa chỉ liên hệ: |

Là một giải pháp bảo hiểm kết hợp giữa bảo vệ và đầu tư giúp đáp ứng được những nhu cầu chi tiêu ngắn hạn cũng như hiện thực hóa các ước mơ, các dự định trong tương lai.

**Chủ động tích lũy tài chính cho những cột mốc quan trọng trong tương lai**

**Chủ động bảo vệ tài chính cho bản thân và gia đình trước rủi ro**

**Chủ động thiết kế kế hoạch tài chính của bạn**

**Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính linh hoạt.**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

| THÔNG TIN KHÁCH HÀNG                    | Họ và tên       | Giới tính | Tuổi | Nghề nghiệp                    | Tăng phí | Lý do tăng phí | CMND/Hộ chiếu/<br>Khai sinh số |
|-----------------------------------------|-----------------|-----------|------|--------------------------------|----------|----------------|--------------------------------|
| Bên mua bảo hiểm (BMBH):                | BÙI THỊ PHƯƠNG  | Nữ        | 35   |                                |          |                |                                |
| Người được bảo hiểm chính (NDBH chính): | BÙI MINH THUYẾT | Nam       | 61   | Hưu trí                        | Không    |                |                                |
| Người được bảo hiểm bổ sung (NDBHBS):   | BÙI THỊ PHƯƠNG  | Nữ        | 35   | Chủ doanh nghiệp, ban giám đốc | Không    |                |                                |
| Địa chỉ liên hệ:                        |                 |           |      |                                |          |                |                                |

Đơn vị tính: đồng

| THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM                                   |      |                                                                                            | Người được<br>bảo hiểm | Thời hạn<br>hợp đồng<br>(năm) | Thời hạn<br>đóng phí<br>dự kiến<br>(năm) | Số tiền<br>bảo hiểm | Phí bảo hiểm<br>cơ bản hàng năm |
|---------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|------------------------------------------|---------------------|---------------------------------|
| <b>Sản phẩm bảo hiểm chính</b>                                |      |                                                                                            |                        |                               |                                          |                     |                                 |
| PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG                                        |      |                                                                                            | BÙI MINH THUYẾT        | 38                            | 20                                       | 300.000.000         | 19.059.000                      |
| <b>Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ</b>                               |      |                                                                                            |                        |                               |                                          |                     |                                 |
| 1                                                             | HCR3 | PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE (b) - Chương trình Chăm sóc Cơ bản<br>* Quyền lợi Điều trị Nội trú | BÙI MINH THUYẾT        | Gia hạn hằng năm              | Gia hạn hằng năm                         |                     | 4.387.000                       |
| 2                                                             | VCW2 | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng (a)                                                  |                        | 14                            | 14                                       |                     | 3.809.400                       |
| 3                                                             | VAD3 | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng (a)                                                  |                        | 14                            | 14                                       | 600.000.000         | 780.000                         |
| 4                                                             | VC12 | BH Bệnh lý nghiêm trọng (a)                                                                |                        | 14                            | 14                                       | 100.000.000         | 4.290.000                       |
| 5                                                             | VCW2 | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng (a)                                                  | BÙI THỊ PHƯƠNG         | 30                            | 20                                       |                     | 461.500                         |
| 6                                                             | VDW2 | BH Miễn đóng phí bảo hiểm chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn (a)                         |                        | 30                            | 20                                       |                     | 531.100                         |
| 7                                                             | VAD3 | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng (a)                                                  |                        | 38                            | 20                                       | 600.000.000         | 456.000                         |
| Tổng phí bảo hiểm của sản phẩm chính và (các) sản phẩm bổ trợ |      |                                                                                            |                        |                               |                                          |                     | 33.774.000                      |
| Khoản đầu tư thêm đầu tiên                                    |      |                                                                                            |                        |                               |                                          |                     | -                               |

|                                                 | Năm        | Nửa năm    | Quý       |
|-------------------------------------------------|------------|------------|-----------|
| Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính:         | 19.059.000 | 9.529.500  | 4.764.800 |
| Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1: | 10.328.000 | 5.164.000  | 2.582.000 |
| Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 2: | 4.387.000  | 2.369.000  | 1.250.300 |
| Tổng phí bảo hiểm cơ bản:                       | 33.774.000 | 17.062.500 | 8.597.100 |
| Phương thức đóng phí bảo hiểm:                  | Tiền mặt   |            |           |

**Ghi chú:**

(a) Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1: các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ có Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng và đồng thời có Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản của hợp đồng.

(b) Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 2.

- Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 phải được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 5 năm hợp đồng đầu tiên.
- Sản phẩm bảo hiểm chính và sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 sẽ được đảm bảo duy trì hiệu lực ngay cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng không (0) với điều kiện Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 trong 5 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Bên mua bảo hiểm có thể tạm ngưng đóng phí từ năm hợp đồng thứ 6 trở đi. Tuy nhiên, việc tạm ngưng đóng phí trong thời gian dài có thể làm hợp đồng mất hiệu lực nếu Giá trị tài khoản của hợp đồng không đủ để khấu trừ Phí bảo hiểm rủi ro và/hoặc Phí quản lý hợp đồng hàng tháng.
- Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE sẽ được tự động gia hạn hằng năm cho đến khi NĐBH tròn 70 tuổi hoặc thời hạn đóng phí của Sản phẩm bảo hiểm chính

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

chấm dứt, áp dụng thời điểm nào đến trước. Phí bảo hiểm trên chỉ được áp dụng cho năm đầu tiên của hợp đồng. Chi tiết về phí bảo hiểm trong những năm tiếp theo được thể hiện trong bảng "Minh họa phí bảo hiểm hàng năm theo độ tuổi của Sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE".

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM  
MINH HỌA PHÍ BẢO HIỂM HÀNG NĂM THEO ĐỘ TUỔI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỒ TRỢ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE**

Đơn vị tính: đồng

| NĐBH          | BÙI MINH THUYẾT |
|---------------|-----------------|
| Tuổi của NĐBH | Phí Bảo hiểm    |
| 61            | 4.387.000       |
| 62-64         | 4.387.000       |
| 65-69         | 6.102.000       |

**Ghi chú:**

• Đối với NĐBH BÙI MINH THUYẾT, Sản phẩm bảo hiểm bồi trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE sẽ được tự động gia hạn hàng năm, tối đa trong 9 năm.  
*Theo từng thời điểm, mức phí bảo hiểm trên có thể thay đổi tùy theo sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Mức phí bảo hiểm mới sẽ được áp dụng vào Ngày gia hạn kế tiếp và Prudential sẽ thông báo cho BMBH bằng văn bản ít nhất 30 ngày trước khi áp dụng.*

2. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC CHI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm chính):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm chính. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
- **Phí bảo hiểm cơ bản (của sản phẩm bổ trợ):** khoản phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1. Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1 sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản, sau khi trừ Phí ban đầu.
- **Phí bảo hiểm tích lũy thêm:** khoản tiền Bên mua bảo hiểm đóng thêm vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm sau khi đã đóng đầy đủ tất cả các khoản Phí bảo hiểm đến hạn. Phí bảo hiểm tích lũy thêm sẽ được phân bổ vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm, sau khi trừ Phí ban đầu.
- **Giá trị tài khoản (GTTK) cơ bản:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm cơ bản được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá trị tài khoản tích lũy thêm:** số tiền được tích lũy từ khoản Phí bảo hiểm tích lũy thêm được phân bổ sau khi trừ các Phí liên quan, nếu có.
- **Giá trị tài khoản hợp đồng (GTTKHD):** tổng của Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có.
- **Phí ban đầu:** khoản Phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm tích lũy thêm, nếu có, trước khi các khoản Phí này được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản tích lũy thêm, tương ứng, như quy định trong bảng sau:

| Năm hợp đồng                     |                                 | 1   | 2   | 3   | 4  | 5+ |
|----------------------------------|---------------------------------|-----|-----|-----|----|----|
| % của Phí bảo hiểm cơ bản        | Sản phẩm bảo hiểm chính         | 85% | 75% | 10% | 5% | 0% |
|                                  | Sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1 | 70% | 65% | 10% | 5% | 0% |
| % của Phí bảo hiểm tích lũy thêm |                                 | 2%  | 2%  | 2%  | 2% | 2% |

- **Phí bảo hiểm rủi ro:** khoản Phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng, để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro cho sản phẩm bảo hiểm chính và (các) sản phẩm Bảo hiểm bổ trợ Nhóm 1, nếu có, theo cam kết trong Hợp đồng bảo hiểm.
- **Phí quản lý hợp đồng:** khoản Phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng vào Ngày hiệu lực Hợp đồng và các Ngày kỷ niệm tháng hợp đồng để chi trả cho việc quản lý Hợp đồng bảo hiểm và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng là 40.000 đồng/ tháng và không thay đổi trong suốt thời hạn hợp đồng.
- **Phí quản lý quỹ:** khoản Phí được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư để chi trả cho các hoạt động quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí quản lý quỹ tối đa là 2,0%/năm tính trên Giá trị tài khoản hợp đồng. Mức quản lý quỹ tối đa này có thể thay đổi tùy thuộc vào sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- **Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** Bên mua bảo hiểm không phải chịu bất kỳ khoản phí nào khi rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng
- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn:** Bên mua bảo hiểm không phải chịu bất kỳ khoản phí nào khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Ghi chú:

- Các thay đổi về Phí ban đầu, Phí bảo hiểm rủi ro, hoặc mức tối đa của Phí quản lý quỹ (nếu có) sẽ được Prudential thông báo bằng văn bản cho Bên mua bảo hiểm ít nhất 3 tháng trước thời điểm chính thức thay đổi.

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| Năm HĐ/<br>Tuổi<br>NDBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bổ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO                          |       |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                                  |                                                         |                         |             | Dựa trên lãi suất cam kết <sup>(1)</sup> |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                                  |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                      |       | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                    | SPBH Bổ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                          |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 1 / 62                           | 29.387                                                  | -                       | 23.430      | 5.213                                    | 7.688 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 2 / 63                           | 29.387                                                  | -                       | 21.007      | 5.733                                    | 7.983 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 3 / 64                           | 29.387                                                  | -                       | 2.939       | 6.179                                    | 8.237 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 4 / 65                           | 29.387                                                  | -                       | 1.469       | 6.512                                    | 8.475 | 11.567                        | -                                    | 11.567                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 5 / 66                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.568                                    | 8.637 | 26.244                        | -                                    | 26.244                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 6 / 67                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.873                                    | 8.892 | 40.558                        | -                                    | 40.558                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 7 / 68                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.077                                    | 9.087 | 54.826                        | -                                    | 54.826                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 8 / 69                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.809                                    | 9.230 | 68.563                        | -                                    | 68.563                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 9 / 70                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 8.003                                    | 9.438 | 82.236                        | -                                    | 82.236                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 10 / 71                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 8.191                                    | 9.577 | 125.307                       | -                                    | 125.307                 | 300.000                                   | 29.387                                       | -                                             | -                          |
| 11 / 72                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.008                                    | 9.683 | 140.431                       | -                                    | 140.431                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 12 / 73                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.963                                    | 9.781 | 155.804                       | -                                    | 155.804                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 13 / 74                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.831                                    | 9.732 | 171.668                       | -                                    | 171.668                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 14 / 75                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.549                                    | 9.497 | 188.371                       | -                                    | 188.371                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 15 / 76                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 6.415                                    | 2.723 | 225.374                       | -                                    | 225.374                 | 300.000                                   | 22.040                                       | -                                             | -                          |
| 16 / 77                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 4.289                                    | 2.772 | 240.759                       | -                                    | 240.759                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 17 / 78                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 3.404                                    | 2.787 | 257.172                       | -                                    | 257.172                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 18 / 79                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 2.212                                    | 2.798 | 274.937                       | -                                    | 274.937                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 19 / 80                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 643                                      | 2.797 | 294.457                       | -                                    | 294.457                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 20 / 81                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 48                                       | 2.785 | 347.927                       | -                                    | 347.927                 | 347.927                                   | 22.040                                       | 11.103                                        | -                          |
| 21 / 82                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.763 | 348.146                       | -                                    | 348.146                 | 348.146                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 22 / 83                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.716 | 348.414                       | -                                    | 348.414                 | 348.414                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 23 / 84                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.625 | 348.777                       | -                                    | 348.777                 | 348.777                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 24 / 85                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.488 | 349.281                       | -                                    | 349.281                 | 349.281                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 25 / 86                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.302 | 363.926                       | -                                    | 363.926                 | 363.926                                   | -                                            | 13.949                                        | -                          |
| 26 / 87                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 2.061 | 365.011                       | -                                    | 365.011                 | 365.011                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 27 / 88                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 1.755 | 366.414                       | -                                    | 366.414                 | 366.414                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 28 / 89                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 1.372 | 368.215                       | -                                    | 368.215                 | 368.215                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 29 / 90                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 897   | 370.513                       | -                                    | 370.513                 | 370.513                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 30 / 91                          | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300   | 388.148                       | -                                    | 388.148                 | 388.148                                   | -                                            | 14.714                                        | -                          |

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)**

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Năm HD/<br>Tuổi NĐBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bỗ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ ĐẢM BẢO                          |         |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------|---------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                               |                                                         |                         |             | Dựa trên lãi suất cam kết <sup>(1)</sup> |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                               |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                      |         | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                 | SPBH Bỗ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                          |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 31 / 92                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 391.245                       | -                                    | 391.245                 | 391.245                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 32 / 93                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 394.373                       | -                                    | 394.373                 | 394.373                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 33 / 94                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 397.533                       | -                                    | 397.533                 | 397.533                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 34 / 95                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 400.724                       | -                                    | 400.724                 | 400.724                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 35 / 96                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 419.792                       | -                                    | 419.792                 | 419.792                                   | -                                            | 15.845                                        | -                          |
| 36 / 97                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 423.205                       | -                                    | 423.205                 | 423.205                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 37 / 98                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 426.653                       | -                                    | 426.653                 | 426.653                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 38 / 99                       | -                                                       | -                       | -           | -                                        | 300     | 430.135                       | -                                    | 430.135                 | 430.135                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| Tổng/Cộng<br>đồn              | 534.464                                                 | -                       | 48.845      | 112.518                                  | 164.278 |                               |                                      | 430.135                 |                                           | 73.468                                       | 55.611                                        | -                          |

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| Năm HĐ/<br>Tuổi<br>NDBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bỏ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ MINH HỌA                                           |       |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                                  |                                                         |                         |             | Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình) <sup>(1)</sup> |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                                  |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                                        |       | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                    | SPBH Bỏ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                                            |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 1 / 62                           | 29.387                                                  | -                       | 23.430      | 5.213                                                      | 7.688 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 2 / 63                           | 29.387                                                  | -                       | 21.007      | 5.733                                                      | 7.983 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 3 / 64                           | 29.387                                                  | -                       | 2.939       | 6.176                                                      | 8.237 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 4 / 65                           | 29.387                                                  | -                       | 1.469       | 6.504                                                      | 8.475 | 12.105                        | -                                    | 12.105                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 5 / 66                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.547                                                      | 8.637 | 27.482                        | -                                    | 27.482                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 6 / 67                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.822                                                      | 8.892 | 43.083                        | -                                    | 43.083                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 7 / 68                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.978                                                      | 9.087 | 59.104                        | -                                    | 59.104                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 8 / 69                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.624                                                      | 9.230 | 75.115                        | -                                    | 75.115                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 9 / 70                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.706                                                      | 9.438 | 91.630                        | -                                    | 91.630                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 10 / 71                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.736                                                      | 9.577 | 138.183                       | -                                    | 138.183                 | 300.000                                   | 29.387                                       | -                                             | -                          |
| 11 / 72                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.305                                                      | 9.683 | 159.037                       | -                                    | 159.037                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 12 / 73                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 5.874                                                      | 9.781 | 181.275                       | -                                    | 181.275                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 13 / 74                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 5.215                                                      | 9.732 | 205.351                       | -                                    | 205.351                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 14 / 75                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 4.219                                                      | 9.497 | 231.893                       | -                                    | 231.893                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 15 / 76                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 3.135                                                      | 2.723 | 280.549                       | -                                    | 280.549                 | 300.000                                   | 22.040                                       | -                                             | -                          |
| 16 / 77                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 119                                                        | 2.772 | 312.645                       | -                                    | 312.645                 | 312.645                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 17 / 78                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                          | 2.787 | 346.455                       | -                                    | 346.455                 | 346.455                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 18 / 79                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                          | 2.798 | 381.945                       | -                                    | 381.945                 | 381.945                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 19 / 80                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                          | 2.797 | 419.210                       | -                                    | 419.210                 | 419.210                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 20 / 81                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                          | 2.785 | 495.461                       | -                                    | 495.461                 | 495.461                                   | 22.040                                       | 15.070                                        | -                          |
| 21 / 82                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.763 | 516.904                       | -                                    | 516.904                 | 516.904                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 22 / 83                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.716 | 539.468                       | -                                    | 539.468                 | 539.468                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 23 / 84                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.625 | 563.253                       | -                                    | 563.253                 | 563.253                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 24 / 85                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.488 | 588.368                       | -                                    | 588.368                 | 588.368                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 25 / 86                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.302 | 637.072                       | -                                    | 637.072                 | 637.072                                   | -                                            | 22.141                                        | -                          |
| 26 / 87                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 2.061 | 666.316                       | -                                    | 666.316                 | 666.316                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 27 / 88                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 1.755 | 697.336                       | -                                    | 697.336                 | 697.336                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 28 / 89                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 1.372 | 730.301                       | -                                    | 730.301                 | 730.301                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 29 / 90                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 897   | 765.402                       | -                                    | 765.402                 | 765.402                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 30 / 91                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300   | 831.556                       | -                                    | 831.556                 | 831.556                                   | -                                            | 28.685                                        | -                          |

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)**

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Năm HD/<br>Tuổi NĐBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bỗ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ MINH HỌA                                           |         |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                               |                                                         |                         |             | Mức lãi suất minh họa 5,0%/năm (Trung bình) <sup>(1)</sup> |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                               |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                                        |         | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                 | SPBH Bỗ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                                            |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 31 / 92                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 872.333                       | -                                    | 872.333                 | 872.333                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 32 / 93                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 915.148                       | -                                    | 915.148                 | 915.148                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 33 / 94                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 960.105                       | -                                    | 960.105                 | 960.105                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 34 / 95                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 1.007.309                     | -                                    | 1.007.309               | 1.007.309                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 35 / 96                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 1.094.534                     | -                                    | 1.094.534               | 1.094.534                                 | -                                            | 37.661                                        | -                          |
| 36 / 97                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 1.148.460                     | -                                    | 1.148.460               | 1.148.460                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 37 / 98                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 1.205.082                     | -                                    | 1.205.082               | 1.205.082                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 38 / 99                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                          | 300     | 1.264.535                     | -                                    | 1.264.535               | 1.264.535                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| Tổng/Cộng<br>đồn              | 534.464                                                 | -                       | 48.845      | 91.907                                                     | 164.278 |                               |                                      | 1.264.535               |                                           | 73.468                                       | 103.557                                       | -                          |

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM (SPBH) CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1

Đơn vị tính: Ngàn đồng

| Năm HĐ/<br>Tuổi<br>NDBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bổ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ MINH HỌA                                    |       |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|-----------------------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                                  |                                                         |                         |             | Mức lãi suất minh họa 7,0%/năm (Cao) <sup>(1)</sup> |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                                  |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                                 |       | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                    | SPBH Bổ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                                     |       |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 1 / 62                           | 29.387                                                  | -                       | 23.430      | 5.213                                               | 7.688 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 2 / 63                           | 29.387                                                  | -                       | 21.007      | 5.733                                               | 7.983 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 3 / 64                           | 29.387                                                  | -                       | 2.939       | 6.174                                               | 8.237 | -                             | -                                    | -                       | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 4 / 65                           | 29.387                                                  | -                       | 1.469       | 6.496                                               | 8.475 | 12.664                        | -                                    | 12.664                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 5 / 66                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.524                                               | 8.637 | 28.766                        | -                                    | 28.766                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 6 / 67                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.774                                               | 8.892 | 45.473                        | -                                    | 45.473                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 7 / 68                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 6.886                                               | 9.087 | 63.029                        | -                                    | 63.029                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 8 / 69                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.456                                               | 9.230 | 81.075                        | -                                    | 81.075                  | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 9 / 70                           | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.435                                               | 9.438 | 100.189                       | -                                    | 100.189                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 10 / 71                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 7.320                                               | 9.577 | 150.002                       | -                                    | 150.002                 | 300.000                                   | 29.387                                       | -                                             | -                          |
| 11 / 72                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 5.672                                               | 9.683 | 175.515                       | -                                    | 175.515                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 12 / 73                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 4.920                                               | 9.781 | 203.491                       | -                                    | 203.491                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 13 / 74                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 3.810                                               | 9.732 | 234.625                       | -                                    | 234.625                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 14 / 75                          | 29.387                                                  | -                       | -           | 2.193                                               | 9.497 | 269.860                       | -                                    | 269.860                 | 300.000                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 15 / 76                          | 20.508                                                  | -                       | -           | 340                                                 | 2.723 | 329.050                       | -                                    | 329.050                 | 329.050                                   | 22.040                                       | -                                             | -                          |
| 16 / 77                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                   | 2.772 | 370.653                       | -                                    | 370.653                 | 370.653                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 17 / 78                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                   | 2.787 | 415.152                       | -                                    | 415.152                 | 415.152                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 18 / 79                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                   | 2.798 | 462.755                       | -                                    | 462.755                 | 462.755                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 19 / 80                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                   | 2.797 | 513.691                       | -                                    | 513.691                 | 513.691                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 20 / 81                          | 20.508                                                  | -                       | -           | -                                                   | 2.785 | 608.382                       | -                                    | 608.382                 | 608.382                                   | 22.040                                       | 18.137                                        | -                          |
| 21 / 82                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.763 | 647.604                       | -                                    | 647.604                 | 647.604                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 22 / 83                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.716 | 689.621                       | -                                    | 689.621                 | 689.621                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 23 / 84                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.625 | 734.673                       | -                                    | 734.673                 | 734.673                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 24 / 85                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.488 | 783.021                       | -                                    | 783.021                 | 783.021                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 25 / 86                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.302 | 863.625                       | -                                    | 863.625                 | 863.625                                   | -                                            | 28.678                                        | -                          |
| 26 / 87                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 2.061 | 921.442                       | -                                    | 921.442                 | 921.442                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 27 / 88                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 1.755 | 983.624                       | -                                    | 983.624                 | 983.624                                   | -                                            | -                                             | -                          |
| 28 / 89                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 1.372 | 1.050.555                     | -                                    | 1.050.555               | 1.050.555                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 29 / 90                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 897   | 1.122.666                     | -                                    | 1.122.666               | 1.122.666                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 30 / 91                          | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300   | 1.241.423                     | -                                    | 1.241.423               | 1.241.423                                 | -                                            | 40.980                                        | -                          |

**BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM**  
**PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG**

**3. MINH HỌA QUYỀN LỢI CỦA SPBH CHÍNH VÀ SPBH BỔ TRỢ NHÓM 1 (TIẾP THEO)**

*Đơn vị tính: Ngàn đồng*

| Năm HD/<br>Tuổi NĐBH<br>chính | Phí BH cơ<br>bản (SPBH<br>chính và Bỗ<br>trợ Nhóm<br>1) | Phí BH tích<br>lũy thêm | Phí ban đầu | GIÁ TRỊ MINH HỌA                                    |         |                               |                                      |                         |                                           | Thưởng<br>duy trì hợp<br>đồng <sup>(4)</sup> | Thưởng tri<br>ân khách<br>hàng <sup>(5)</sup> | Rút<br>tiền <sup>(6)</sup> |
|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|-----------------------------------------------------|---------|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------|
|                               |                                                         |                         |             | Mức lãi suất minh họa 7,0%/năm (Cao) <sup>(1)</sup> |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
|                               |                                                         |                         |             | Phí bảo hiểm rủi ro                                 |         | GTTK cơ<br>bản <sup>(2)</sup> | GTTK tích<br>lũy thêm <sup>(3)</sup> | GTTK HĐ/<br>GT hoàn lại | Quyền lợi<br>TV/TTTB&VV<br>của SPBH chính |                                              |                                               |                            |
| SPBH<br>Chính                 | SPBH Bỗ trợ<br>nhóm 1                                   |                         |             |                                                     |         |                               |                                      |                         |                                           |                                              |                                               |                            |
| 31 / 92                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.327.513                     | -                                    | 1.327.513               | 1.327.513                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 32 / 93                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.419.630                     | -                                    | 1.419.630               | 1.419.630                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 33 / 94                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.518.195                     | -                                    | 1.518.195               | 1.518.195                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 34 / 95                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.623.659                     | -                                    | 1.623.659               | 1.623.659                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 35 / 96                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.795.672                     | -                                    | 1.795.672               | 1.795.672                                 | -                                            | 59.167                                        | -                          |
| 36 / 97                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 1.920.560                     | -                                    | 1.920.560               | 1.920.560                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 37 / 98                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 2.054.190                     | -                                    | 2.054.190               | 2.054.190                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| 38 / 99                       | -                                                       | -                       | -           | -                                                   | 300     | 2.197.174                     | -                                    | 2.197.174               | 2.197.174                                 | -                                            | -                                             | -                          |
| Tổng/Cộng<br>đồn              | 534.464                                                 | -                       | 48.845      | 82.945                                              | 164.278 |                               |                                      | 2.197.174               |                                           | 73.468                                       | 146.961                                       | -                          |

**Ghi chú:**

(1) Mức lãi suất minh họa 5% (trung bình) và 7% (cao) không được đảm bảo và chỉ mang tính chất minh họa, trong đó mức 7% sẽ khả thi hơn khi tình hình lãi suất đầu tư của thị trường có chuyển biến tích cực trong tương lai. Mức lãi suất thực tế từ kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung được công bố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức lãi suất minh họa nhưng sẽ không thấp hơn mức lãi suất cam kết quy định trong bảng sau:

|                  |      |       |        |         |      |
|------------------|------|-------|--------|---------|------|
| Năm hợp đồng     | 1    | 2 - 5 | 6 - 10 | 11 - 15 | 16+  |
| Lãi suất cam kết | 4.0% | 3.0%  | 2.5%   | 2.0%    | 1.0% |

(2) Giá trị tài khoản cơ bản đã khấu trừ phí quản lý hợp đồng 40.000 đồng/tháng và đã bao gồm các khoản lãi tích lũy, khoản thưởng duy trì hợp đồng và khoản thưởng tri ân khách hàng, nếu có.

(3) Giá trị tài khoản tích lũy thêm đã bao gồm các khoản lãi tích lũy và khoản thưởng tri ân khách hàng, nếu có.

(4) Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, nếu Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm được xét thưởng ( sản phẩm chính và/hoặc của sản phẩm bổ trợ Nhóm 1) được đóng đầy đủ và đúng hạn đến thời điểm xét quyền lợi thưởng duy trì Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong thời gian xét thưởng, Bên mua bảo hiểm không giảm Số tiền bảo hiểm của sản phẩm được xét thưởng đến thời gian xét thưởng, quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng được tính bằng:

- a. 100% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 6 đến hết Năm hợp đồng thứ 10;
- b. 75% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của sản phẩm được xét thưởng trong năm hợp đồng đầu tiên sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó. Thời gian xét thưởng là 5 Năm hợp đồng bắt đầu từ Năm hợp đồng thứ 11 đến hết Năm hợp đồng thứ 15 và mỗi 5 năm sau đó.

(5) Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, vào ngày kỷ năm hợp đồng thứ 20 và mỗi 5 năm sau đó, quyền lợi thưởng tri ân khách hàng sẽ được xác định và cộng vào từng giá trị tài khoản tương ứng như sau:

- a. 4% Giá trị tài khoản cơ bản trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó (được tính theo ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản cơ bản;
- b. 4% Giá trị tài khoản tích lũy thêm trung bình trong 60 tháng liền kề trước đó, nếu có, (được tính theo ngày kỷ niệm tháng Hợp đồng) sẽ được chi trả vào Giá trị tài khoản tích lũy thêm.

(6) Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu rút tiền bất kỳ lúc nào đối với Giá trị tài khoản tích lũy thêm và Giá trị tài khoản cơ bản . Khoản rút tiền sẽ được thực hiện theo thứ tự từ Giá trị tài khoản tích lũy thêm trước (nếu có), sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản.

*Nếu Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi phí quản lý hợp đồng và các phí khác, nếu có, nhỏ hơn hoặc bằng 0, hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực (ngoại trừ các điều kiện khác đã được quy định trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm). Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trong vòng 24 tháng kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm.*

4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO)

Đơn vị tính: đồng

| SẢN PHẨM                                            | SỰ KIỆN BẢO HIỂM                                      | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dành cho Người được bảo hiểm chính: BÙI MINH THUYẾT |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                           |
| PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG                              | Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV) | Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm (300.000.000 đồng) và Giá trị tài khoản cơ bản, cộng với Giá trị tài khoản tích lũy thêm, nếu có, tính tại thời điểm tử vong của Người được bảo hiểm hoặc thời điểm xảy ra Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn. | Quyền lợi thương tật toàn bộ và vĩnh viễn được chi trả nếu Người được bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau sinh nhật lần thứ 80 của Người được bảo hiểm. |
| 1                                                   | Bảo hiểm bồi trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE              | Chương trình Chăm sóc Cơ bản                                                                                                                                                                                                                      | Quyền lợi Điều trị Nội trú                                                                                                                                                                                                                                |
| 2                                                   | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                 | Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau                                                                                                                                                                                                  | Prudential sẽ đóng Phí bảo hiểm cơ bản còn lại của Hợp đồng cho đến hết thời hạn hợp đồng của bảo hiểm bồi trợ này hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.                                               |
| 3                                                   | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                 | Tàn tật (theo mức độ tàn tật) hoặc phồng nặng hoặc tử vong do tai nạn                                                                                                                                                                             | 600.000.000 đồng (tối đa)                                                                                                                                                                                                                                 |
|                                                     |                                                       | Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt hoặc xe lửa                                                                                                                                                                      | 1.200.000.000 đồng (tối đa)                                                                                                                                                                                                                               |
|                                                     |                                                       | Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại                                                                                                                                                                | 1.800.000.000                                                                                                                                                                                                                                             |

4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

| SẢN PHẨM                                            |                         | SỰ KIỆN BẢO HIỂM                                 | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | GHI CHÚ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dành cho Người được bảo hiểm chính: BÙI MINH THUYẾT |                         |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 4                                                   | BH Bệnh lý nghiêm trọng | Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu | 50% Số tiền bảo hiểm của QLBH Bệnh lý nghiêm trọng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Người được bảo hiểm được bảo vệ trước 35 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu.<br>Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả một lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ này, với điều kiện Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu được chẩn đoán xác định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                                                     |                         | Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau | Được chi trả tối đa 2 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau:<br>Lần 1: 100% Số tiền bảo hiểm của bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng <sup>(1)</sup> ;<br>Lần 2: 200% Số tiền bảo hiểm của bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng nếu Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai phải không cùng Nhóm Bệnh lý nghiêm trọng với Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ nhất <sup>(2)</sup> . | Người được bảo hiểm được bảo vệ trước 64 Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau.<br><sup>(1)</sup> Trừ đi Quyền lợi Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu đã chi trả (nếu có) nếu Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu đã chi trả thuộc cùng nhóm Bệnh lý nghiêm trọng với Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ nhất.<br><sup>(2)</sup> Các quyền lợi Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu và giai đoạn sau lần thứ nhất đã chi trả (nếu có) sẽ được khấu trừ khi chi trả quyền lợi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai.<br>Quyền lợi bảo hiểm này chỉ được chi trả với điều kiện Người được bảo hiểm vẫn còn sống ít nhất 14 ngày kể từ ngày Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau được chẩn đoán xác định. Ngay sau khi Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau lần thứ hai được chấp thuận chi trả, sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ này sẽ chấm dứt hiệu lực. |
|                                                     |                         | Quyền lợi 03 (ba) Bệnh lý nghiêm trọng           | Được chi trả thêm 50% STBH nếu Người được bảo hiểm mắc một trong 03 bệnh lý nghiêm trọng (Ung thư đe dọa tính mạng, Đột quỵ hoặc Nhồi máu cơ tim).                                                                                                                                                                                                                               | Quyền lợi 03 (ba) Bệnh lý nghiêm trọng này chỉ được chi trả một lần trong suốt Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

**4. THÔNG TIN VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA HỢP ĐỒNG (ĐƯỢC ĐẢM BẢO) (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: đồng*

| SẢN PHẨM                                                    |                                                                | SỰ KIỆN BẢO HIỂM                                                                   | QUYỀN LỢI BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                         | GHI CHÚ                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dành cho Người được bảo hiểm bổ sung: <b>BÙI THỊ PHƯƠNG</b> |                                                                |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                           |
| 5                                                           | BH Miễn đóng phí bệnh lý nghiêm trọng                          | Chẩn đoán mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau                                   | Prudential sẽ đóng Phí bảo hiểm cơ bản còn lại của Hợp đồng cho đến hết thời hạn hợp đồng của bảo hiểm bổ trợ này hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước. | Khoản phí bảo hiểm cơ bản còn lại sẽ được miễn đóng phí kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm mắc phải Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau.     |
| 6                                                           | BH Miễn đóng phí bảo hiểm chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn | Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn                                       | Prudential sẽ đóng Phí bảo hiểm cơ bản còn lại cho đến hết thời hạn hợp đồng của bảo hiểm bổ trợ này hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước.              | Khoản phí bảo hiểm cơ bản còn lại sẽ được miễn đóng phí kể từ kỳ phí kế tiếp sau khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn. |
| 7                                                           | BH Chết và tàn tật do tai nạn mở rộng                          | Tàn tật (theo mức độ tàn tật) hoặc phỏng nặng hoặc tử vong do tai nạn              | 600.000.000 đồng (tối đa)                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                           |
|                                                             |                                                                | Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên xe buýt hoặc xe lửa       | 1.200.000.000 đồng (tối đa)                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                           |
|                                                             |                                                                | Tử vong do tai nạn khi đang là hành khách có mua vé trên các chuyến bay thương mại | 1.800.000.000                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                           |

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM  
PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

5. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE

Prudential sẽ chi trả các Chi phí y tế theo các Quyền lợi bảo hiểm theo các Giới hạn phụ được quy định tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm nếu NĐBH phải Điều trị tại Bệnh viện hoặc Phòng khám và trong Phạm vi địa lý được áp dụng đối với những quyền lợi này.

QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ

(Thời gian chờ 30 ngày - ngoại trừ Tai nạn)

Đơn vị tính: đồng

|                                                                                                                                                                                                          |                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Chương trình bảo hiểm                                                                                                                                                                                    | Chương trình Chăm sóc Cơ bản |
| Phạm vi địa lý                                                                                                                                                                                           | Việt Nam                     |
| Giới hạn tối đa hàng năm                                                                                                                                                                                 | 100.000.000/năm              |
| Quyền lợi gia tăng                                                                                                                                                                                       | Không áp dụng                |
| Điều trị ung thư<br>Chi phí Điều Trị Nội Trú; Điều Trị Ngoại Trú<br>(áp dụng cho xạ trị, hóa trị, liệu pháp trúng đích)<br>Thời gian chờ 90 ngày                                                         | Theo chi phí thực tế         |
| CÁC GIỚI HẠN PHỤ                                                                                                                                                                                         |                              |
| Giới hạn phụ                                                                                                                                                                                             | 50.000.000/Đợt nằm viện      |
| Chi phí Giường và Phòng<br>Tối đa 80 ngày/năm                                                                                                                                                            | 600.000/ngày                 |
| Phụ cấp nằm viện tại Bệnh viện công<br>(*)bao gồm trong Giới hạn phụ đối với chi phí Giường và Phòng ở trên.<br>Áp dụng đối với việc Điều trị Nội trú tại Việt Nam từ 3 ngày trở lên, tối đa 30 ngày/năm | 100.000/ngày(*)              |
| Chi phí Phòng chăm sóc đặc biệt (ICU)<br>Tối đa 30 ngày/năm                                                                                                                                              | 1.000.000/ngày               |
| Chi phí giường dành cho thân nhân<br>Tối đa 30 ngày/năm                                                                                                                                                  | 300.000/ngày                 |

## BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM PRU-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG

## 5. THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE

|                                                                                                                           |                                         |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Chi phí Điều trị trước khi nhập viện</b><br>Trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện                                     | Theo chi phí thực tế                    |
| <b>Chi phí y tế nội trú khác</b>                                                                                          | Theo chi phí thực tế                    |
| <b>Chi phí phẫu thuật</b>                                                                                                 | 12.000.000/Đợt nằm viện                 |
| <b>Chi phí điều trị sau khi xuất viện</b><br>Trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện, tối đa 5 lần/năm                       | Theo chi phí thực tế                    |
| <b>Chi phí Dịch vụ chăm sóc y tế tại nhà</b><br>Tối đa 10 ngày/năm                                                        | 120.000/ngày                            |
| <b>Chi phí cấy ghép nội tạng</b> (thận, tim, gan, phổi, tủy xương, tụy)<br>Thời gian chờ 90 ngày, 1 lần duy nhất trọn đời | 25.000.000/lần ghép cho NĐBH            |
|                                                                                                                           | 12.000.000/lần ghép cho Người hiến tạng |
| <b>Chi phí tái tạo tuyến vú sau đoạn nhũ</b><br>Đối với Ung thư vú                                                        | Không áp dụng                           |
| <b>CÁC QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ ĐẶC BIỆT</b>                                                                          |                                         |
| <b>Chi phí Phẫu thuật trong ngày</b>                                                                                      | 1.700.000/năm                           |
| <b>Chi phí lọc thận (chạy thận)</b>                                                                                       | Không áp dụng                           |
| <b>Chi phí cấp cứu do Tai nạn</b>                                                                                         | 1.700.000/Tai nạn                       |
| <b>Chi phí điều trị nha khoa cấp cứu do Tai nạn</b>                                                                       | Không áp dụng                           |
| <b>Chi phí xe cứu thương trong nước</b>                                                                                   | 1.700.000/năm                           |
| <b>Kính nội nhãn đa tiêu cự</b>                                                                                           | Không áp dụng                           |
| <b>Biến chứng thai sản</b><br>Thời gian chờ 270 ngày                                                                      | Không áp dụng                           |

**GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ:**

- Giới hạn bảo hiểm tối đa: là số tiền tối đa được chi trả trong suốt Năm hiệu lực đối với từng Quyền lợi bảo hiểm và được quy định cụ thể tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.
- Giới hạn phụ: là giới hạn chi trả tối đa đối với từng loại chi phí phát sinh cho Dịch vụ y tế cần thiết được nêu tại Bảng chi tiết Quyền lợi bảo hiểm của Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ này.
- Thời gian chờ: là thời gian mà sự kiện bảo hiểm nếu có xảy ra sẽ không được chi trả và được quy định cụ thể theo từng Quyền lợi bảo hiểm. Thời gian chờ được tính từ Ngày hiệu lực đầu tiên hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hoặc Ngày hiệu lực của việc thay đổi Chương trình bảo hiểm (cho quyền lợi được bổ sung hoặc tăng thêm) của Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (bao gồm các ngày này), áp dụng ngày nào đến sau. Trong trường hợp việc chi trả Quyền lợi bảo hiểm có liên quan đến nhiều hơn một Thời gian chờ, Thời gian chờ dài nhất sẽ được áp dụng.

**CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ CHÍNH**

**1. Loại trừ trường hợp tử vong**

- a. Hành động tự tử, tự gây thương tích trong vòng 2 (hai) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), tùy thuộc ngày nào xảy ra sau. Đối với phần tăng thêm của Số tiền bảo hiểm (nếu có), loại trừ do nguyên nhân tự tử theo quy định tại Điều này sẽ được áp dụng trong vòng 24 tháng tính từ ngày có hiệu lực của việc tăng Số tiền bảo hiểm hoặc khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm; hoặc
- c. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS; hoặc
- d. Tử vong do bị thi hành án tử hình.

**2. Loại trừ trường hợp thương tật toàn bộ và vĩnh viễn**

Tình trạng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm:

- a. Đã xảy ra trước Ngày hiệu lực hợp đồng, hoặc trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất; tùy ngày nào đến sau; hoặc
- b. Phát sinh từ:
- Tự tử không thành dẫn đến Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
  - Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng; hoặc
  - Hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

**3. Loại trừ trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng**

Prudential sẽ không chi trả các quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng nếu các dấu hiệu hay triệu chứng của bệnh xuất hiện:

- a. Trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau; hoặc trong vòng 90 ngày kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hay Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy trường hợp nào xảy ra sau, cho dù chưa có Chẩn đoán Bệnh lý nghiêm trọng; hoặc
- b. Hành động tự tử của Người được bảo hiểm trong vòng 2 (hai) năm kể từ ngày bảo hiểm bồi trợ này có hiệu lực hoặc được khôi phục; hoặc
- c. Mưu toan tự tử hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh táo hay bị mất trí; hoặc
- d. Hành vi phạm tội của Người được bảo hiểm, của Bên mua bảo hiểm, hoặc của Người thụ hưởng; hoặc
- e. Sử dụng chất ma túy, chất kích thích; chất có cồn; hoặc
- f. Nhiễm HIV; bị AIDS và/hoặc những bệnh liên quan đến AIDS ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát; hoặc
- g. Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách trên các chuyến bay dân dụng, hoặc các hoạt động thể thao nguy hiểm.

**4. Loại trừ trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối**

Các dấu hiệu hay triệu chứng của Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối:

a. Phát sinh từ:

- Tự tử không thành hay tự gây thương tích của Người được bảo hiểm, dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc
- Sử dụng trái phép chất ma túy, chất kích thích (ngoại trừ việc sử dụng các loại thuốc dựa trên đơn thuốc của bác sĩ có thẩm quyền); hoặc

b. Xảy ra trên bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS

**5. Loại trừ trường hợp tai nạn**

a. Chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hành động rối loạn dân sự hoặc bạo động; hoặc

b. Phạm tội (theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm; hoặc

c. Tự tử, hoặc tự gây thương tích cho bản thân của Người được bảo hiểm dù trong trạng thái tinh thần bình thường hay mất trí; hoặc

d. Tham gia các hoạt động nguy hiểm của Người được bảo hiểm như lặn có bình khí nén, nhảy bungee, leo núi, đua xe dưới mọi hình thức, điều lượn, khinh khí cầu, nhảy dù; hoặc

e. Bị tác động bởi việc sử dụng các chất gây nghiện, thuốc điều trị tâm thần, rượu, chất độc, khí ga, các hoạt chất tương tự hoặc ma túy, trừ trường hợp có chỉ định của Bác sĩ và việc ảnh hưởng này là nguyên nhân gây ra Tai nạn; hoặc

f. Khiếm khuyết về thể chất hay tinh thần hoặc tình trạng yếu sức khỏe đã tồn tại trước ngày bắt đầu bảo hiểm hay trước ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng; hoặc

g. Bất kỳ sự kiện nào làm phát sinh yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm do hành động cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm và/hoặc người nhận quyền lợi bảo hiểm.

**6. Loại trừ của Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ PRU-HÀNH TRANG VUI KHỎE**

a. Tình trạng tồn tại trước không được khai báo, hoặc các Tình trạng tồn tại trước có khai báo và không được Công ty chấp thuận bằng văn bản tại thời điểm thẩm định;

b. Bệnh di truyền và dị tật bẩm sinh, xét nghiệm hoặc tư vấn liên quan đến di truyền;

c. Tình trạng nhiễm virus HIV, Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) bệnh hoa liễu và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả các biến chứng của Bệnh và các tác dụng phụ của việc điều trị Bệnh;

d. Điều trị các tình trạng phát sinh liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tự tử, mưu toan tự tử, cố ý gây thương tích dù trong trạng thái tinh táo hay mất trí;

e. Thương tích hoặc Bệnh là hậu quả của việc thực hiện hoặc mưu toan thực hiện các hành vi phạm tội hoặc vi phạm pháp luật của Người được bảo hiểm, Người thụ hưởng hoặc Bên mua bảo hiểm;

f. Tất cả các thăm khám, điều trị liên quan đến thai sản, sinh đẻ (bao gồm Sinh mổ hay Sinh thường) và các biến chứng thai sản khác không được bảo hiểm theo Quyền lợi Nội trú, trừ trường hợp Người được bảo hiểm có Quyền lợi Chăm sóc Thai sản.

Các số liệu trên đây được minh họa với giả định toàn bộ Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị tài khoản Hợp đồng. Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm.

| XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của khách hàng có tên nêu trên một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng.</li><li>Tôi xác nhận đã giải thích đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên có tên nêu trên phân tích về nhu cầu tài chính và tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi có khả năng tài chính để đóng phí bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này.</li><li>Tôi xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Bảng minh họa này cũng như nội dung của Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi khi tham gia sản phẩm bảo hiểm này.</li><li>Tôi hiểu Giá trị tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung, phí bảo hiểm thực đóng, các khoản thưởng duy trì hợp đồng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, nên Giá trị tài khoản hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Bảng minh họa này.</li><li>Tôi hiểu Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ theo định kỳ trong vòng 5 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.</li><li>Tôi đồng ý tham gia (các) sản phẩm bảo hiểm này với chi tiết được trình bày và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ của Hợp đồng bảo hiểm.</li></ul> |
| <div>60443387</div> <div>Chữ ký:<br/>Họ và tên: PHẠM THỊ THANH TÂM<br/>Mã số Tư vấn viên: 60443387<br/>Ngày: ____/____/____</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <div>750561</div> <div>Chữ ký:<br/>Họ và tên: BÙI THỊ PHƯƠNG<br/>Ngày: ____/____/____</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

**BẢNG MINH HỌA NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ KHI CÓ ĐẦY ĐỦ SỐ TRANG VÀ CHỮ KÝ CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM**

# QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Vui lòng tham khảo chi tiết Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm tại đây:

- **PRU**-CHỦ ĐỘNG CUỘC SỐNG
- BH MIỄN ĐÓNG PHÍ CHẾT VÀ TTTBVV
- BH BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG
- BH CHẾT VÀ TÀN TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG
- BH MIỄN ĐÓNG PHÍ BỆNH LÝ NGHIÊM TRỌNG
- **PRU**-HÀNH TRANG VUI KHỎE



# THƯ XÁC NHẬN

V/v: SỬ DỤNG HỒ SƠ YÊU CẦU BẢO HIỂM VÀ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ MÃ XÁC THỰC (OTP)

(Lưu ý: Khách hàng vui lòng chỉ ký thư này sau khi đã hoàn tất kê khai và được cấp số Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm)

Kính gửi: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam ("Prudential")

74902103

| Số hồ sơ yêu cầu bảo hiểm ("HSYCBH"): 210988248 |                |                                                           | Số phiếu thu tiền: Chuyển khoản |         |
|-------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| Vai trò trong Hợp đồng                          | Họ và tên      | Số CMND/CCCD/<br>Hộ chiếu/Khai sinh/<br>Định danh cá nhân | Ngày cấp                        | Nơi cấp |
| BMBH                                            | Bùi Thị Phương | 036185012590                                              | 20/08/2019                      | Cục CS  |
| NĐBH chính                                      | Bùi Minh Thuận | 036059001142                                              | 03/08/2020                      | Cục CS  |
| NĐBHBS1                                         | Bùi Thị Phương | 036185012590                                              | 20/08/2019                      | Cục CS  |
| NĐBHBS2                                         |                |                                                           |                                 |         |
| NĐBHBS3                                         |                |                                                           |                                 |         |

\* BMBH: Bên mua bảo hiểm, NĐBH chính: Người được bảo hiểm chính, NĐBHBS: Người được bảo hiểm bổ sung

Bằng việc ký tên dưới đây, Tôi/Chúng tôi - những người có tên trong HSYCBH nêu trên, đồng ý và xác nhận rằng:

- Tôi/Chúng tôi đã đọc, được nghe Đại lý bảo hiểm/Tư vấn viên giải thích về quy trình nộp bộ HSYCBH thông qua ứng dụng "PruDaily" và đồng ý nộp bộ HSYCBH thông qua ứng dụng này. Bộ HSYCBH bao gồm: HSYCBH, Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm, Phiếu thu tiền và các giấy tờ khác được nộp kèm theo theo yêu cầu của Prudential.
- Tôi/Chúng tôi đã hoàn tất HSYCBH nêu trên. Tôi/Chúng tôi xác nhận đã tự kê khai thông tin về sức khỏe, tài chính, nghề nghiệp bằng cách chọn ô trả lời thích hợp và tự tay ký vào HSYCBH bằng viết cảm ứng trên màn hình thiết bị máy tính bằng thông qua ứng dụng "PruDaily" hoặc nhập OTP được gửi tới số điện thoại dưới đây.  
Trường hợp Tôi/Chúng tôi chọn hình thức ký vào HSYCBH bằng việc nhập OTP được gửi tới số điện thoại dưới đây, thì BMBH, NĐBH chính và các NĐBH bổ sung (nếu có) đồng ý việc Prudential chỉ gửi 01 (một) mã OTP đến số điện thoại của BMBH. Khi đó, NĐBH chính và các NĐBH bổ sung (nếu có) đồng ý rằng, BMBH sẽ thay mặt NĐBH chính và các NĐBH bổ sung (nếu có) sử dụng mã OTP để ký HSYCBH.
- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng toàn bộ thông tin, số liệu do Tôi/Chúng tôi cung cấp trên HSYCBH được ghi nhận bằng ứng dụng "PruDaily" hiện nay sẽ được Prudential dùng làm căn cứ cho việc thẩm định, cấp hợp đồng bảo hiểm. Prudential và các thành viên trong cùng Tập đoàn Prudential, các đối tác của Prudential(\*) có thể sử dụng cho những mục đích hợp pháp. \*Vui lòng tham khảo chính sách bảo vệ thông tin cá nhân của Prudential tại trang mạng công ty: [www.prudential.com.vn](http://www.prudential.com.vn)
- Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng bộ HSYCBH và Thư xác nhận này sẽ cấu thành bộ hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực giữa Tôi/Chúng tôi và Prudential ngay khi được Prudential chấp thuận mà không cần có thêm xác nhận, chấp thuận hay chữ ký nào khác. Tôi/Chúng tôi thừa nhận (i) chữ ký đứng của mình dưới đây và đồng ý cho Prudential sử dụng chữ ký này hoặc chữ ký của Tôi/Chúng tôi được ghi nhận bằng ứng dụng "PruDaily" làm chữ ký mẫu cho việc xác minh chữ ký trong tất cả các văn bản khác liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; và (ii) bất cứ hành động cập nhật thông tin, số liệu nào, vào ứng dụng PruDaily bằng tên truy cập với đúng mật khẩu, OTP và/hoặc các yếu tố định danh khác do Prudential cấp cho Tôi/Chúng tôi đều được coi là Tôi/Chúng tôi thực hiện hoặc đồng ý/cho phép thực hiện. Prudential không chịu trách nhiệm phải áp dụng bất kỳ hình thức kiểm tra xác thực nào khác ngoài việc kiểm tra việc truy cập là đúng tên truy cập, mật khẩu và/hoặc OTP.

10205211



Số HSYCBH : 210988248 | Họ tên RMBH : Bùi Thị Phương

5. Bằng cách ký kết văn bản này, Tôi/Chúng tôi xác nhận các thông tin cung cấp cho Prudential là trung thực, chính xác và đầy đủ và sẽ cập nhật kịp thời cho Prudential bất kỳ thay đổi nào về các thông tin có nhận đã cung cấp cho Prudential. Đồng thời, Tôi/Chúng tôi cũng đồng ý sẽ cung cấp cho Prudential bất kỳ thông tin bổ sung nào khi Prudential có yêu cầu, ví dụ như các tờ khai thuế.

Tôi/Chúng tôi đồng ý cho phép Prudential cung cấp cho cơ quan thuế Hoa Kỳ (i) thông tin cá nhân của Tôi/Chúng tôi như đã cung cấp trong hợp đồng bảo hiểm hoặc được cung cấp sau đó cho Prudential, bao gồm cả thông tin về khai thuế; và (ii) thông tin về hợp đồng bảo hiểm, bao gồm số hợp đồng bảo hiểm, giá trị tài khoản hoặc giá trị tiền mặt của hợp đồng bảo hiểm, nếu có, tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của hợp đồng bảo hiểm này, khi Tôi/Chúng tôi là người chịu thuế hoặc trở thành người chịu thuế tại Hoa Kỳ như được định nghĩa theo luật thuế Hoa Kỳ.

6. Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với nội dung cũng như đối với chữ ký điện tử của Tôi/Chúng tôi, OTP trên HSYCBH được ghi nhận bằng ứng dụng "PruDaily".

Chữ ký Bên mua bảo hiểm

Chữ ký Người được bảo hiểm chính

Chữ ký Người được bảo hiểm bổ sung 1

(Ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Phương

(Ghi rõ họ tên)

Bùi Minh Thuận

(Ghi rõ họ tên)

Bùi Thị Phương

Ngày 04 tháng 12 năm 2020

Ngày 04 tháng 12 năm 2020

Ngày 04 tháng 12 năm 2020

Số điện thoại: 0946 113991

Chữ ký Tư vấn viên

Chữ ký Người được bảo hiểm bổ sung 2

Chữ ký Người được bảo hiểm bổ sung 3

(Ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Tâm

(Ghi rõ họ tên)

(Ghi rõ họ tên)

Mã số: 60449387

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Ngày 04 tháng 12 năm 2020

Số điện thoại: 083444 6096

10205211



Lắng nghe. thấu hiểu. Hành động.

[www.prudential.com.vn](http://www.prudential.com.vn)

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam**

Trụ sở chính: Tầng 25, TTTM Sài Gòn, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

☎ 1800 1 247 📞 (028) 39 100 899 ✉ [customer.service@prudential.com.vn](mailto:customer.service@prudential.com.vn) 🌐 [www.prudential.com.vn](http://www.prudential.com.vn)